

NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG NGUYÊN TẮC SUY ĐOÁN VÔ TỘI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ GẮN VỚI XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN MỚI

NGUYỄN VĂN HẰNG
Học viện tư pháp

Nhận bài ngày 06/01/2026. Sửa chữa xong 31/01/2026. Duyệt đăng 09/02/2026.

Abstract

The presumption of innocence is one of the fundamental principles of criminal procedure, reflecting the deeply humanitarian and progressive nature of the law and serving as an important benchmark for assessing the protection of human rights in a rule-of-law state. Although this principle has been recognized in the 2013 Constitution and the 2015 Criminal Procedure Code, its application in criminal proceedings in Vietnam still faces many limitations in practice. This article analyzes the theoretical foundations and the current state of the application of the presumption of innocence, and proposes solutions to enhance the effectiveness of its implementation in response to the requirements of building and perfecting the socialist rule-of-law state of Vietnam in the new period.

Keywords: Criminal procedure, human rights, judicial reform, presumption of innocence, socialist rule-of-law state, Vietnam.

1. Đặt vấn đề

Trong tiến trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc bảo đảm và tôn trọng quyền con người, quyền công dân luôn được xác định là mục tiêu trung tâm, xuyên suốt trong đường lối, chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Hiến pháp năm 2013 đã thể hiện bước phát triển quan trọng trong tư duy lập hiến khi lần đầu tiên hiến định đầy đủ, toàn diện các quyền con người, quyền công dân, đồng thời khẳng định trách nhiệm của Nhà nước trong việc tôn trọng, bảo vệ và bảo đảm các quyền này [3]. Trong lĩnh vực tố tụng hình sự (TTHS), nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận trong Hiến pháp và tiếp tục được cụ thể hóa trong Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã trở thành một trong những nguyên tắc nền tảng, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với việc bảo vệ quyền con người, hạn chế sự lạm quyền của cơ quan nhà nước và bảo đảm công lý [4].

Nguyên tắc suy đoán vô tội có nguồn gốc từ tư tưởng pháp lý tiến bộ của nhân loại, được ghi nhận rộng rãi trong pháp luật quốc tế về quyền con người. Theo đó, mọi người bị buộc tội đều được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định và có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án [14], [15]. Việc thừa nhận và bảo đảm thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội không chỉ phản ánh trình độ phát triển của pháp luật TTHS mà còn là cơ sở quan trọng đánh giá mức độ dân chủ, pháp quyền của một nhà nước hiện đại [16].

Ở Việt Nam, nguyên tắc suy đoán vô tội được quy định trực tiếp tại Điều 31 Hiến pháp năm 2013 và Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Nội dung của nguyên tắc này thể hiện ở ba phương diện cơ bản: người bị buộc tội được coi là không có tội cho đến khi được chứng minh theo trình tự luật định; trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng; và mọi nghi ngờ chưa được làm rõ phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội [4]. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng

Email: vanhang@gmail.com

để bảo đảm các quyền cơ bản của người bị buộc tội như quyền bào chữa, quyền được xét xử công bằng, quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình [11].

Mặc dù vậy, thực tiễn áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS ở Việt Nam thời gian qua cho thấy vẫn còn tồn tại không ít hạn chế, bất cập. Trong một số trường hợp, tư duy “suy đoán có tội” vẫn còn chi phối hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng; việc thu thập, đánh giá chứng cứ chưa thực sự bảo đảm nguyên tắc khách quan, toàn diện; quyền bào chữa của người bị buộc tội chưa được bảo đảm đầy đủ và thực chất. Thực tế vẫn còn xảy ra những vụ án oan, sai nghiêm trọng, để lại hậu quả lớn không chỉ đối với cá nhân người bị oan mà còn làm giảm sút niềm tin của Nhân dân vào công lý và pháp luật [6], [7], [8].

Trong bối cảnh hiện nay, yêu cầu xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới tiếp tục được khẳng định mạnh mẽ trong các văn kiện của Đảng, đặc biệt là Nghị quyết Đại hội XIII và Nghị quyết số 27-NQ/TW năm 2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam [1], [2]. Các văn kiện này nhấn mạnh yêu cầu bảo đảm quyền con người, quyền công dân, xây dựng nền tư pháp chuyên nghiệp, công bằng, liêm chính và phụng sự Tổ quốc, phục vụ Nhân dân [1]. Điều đó đặt ra đòi hỏi cấp thiết phải tiếp tục nghiên cứu, đánh giá một cách toàn diện việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS, coi đây là một trong những nội dung trọng tâm nhằm nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và pháp lý của nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự

2.1.1. Khái niệm, nội dung và ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội

Trong khoa học pháp lý hình sự, nguyên tắc suy đoán vô tội được hiểu là nguyên tắc cơ bản của TTHS, theo đó người bị buộc tội phải được coi là không có tội cho đến khi hành vi phạm tội của họ được chứng minh theo đúng trình tự, thủ tục do pháp luật quy định và có bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án [10]. Nguyên tắc này thể hiện sự tôn trọng nhân phẩm, danh dự của con người, đồng thời đặt ra giới hạn pháp lý đối với quyền lực của Nhà nước trong hoạt động TTHS.

Về mặt nội dung, nguyên tắc suy đoán vô tội bao hàm ba yếu tố cơ bản. Thứ nhất, người bị buộc tội không bị coi là có tội trong suốt quá trình tố tụng nếu chưa có bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Thứ hai, trách nhiệm chứng minh tội phạm thuộc về các cơ quan tiến hành tố tụng, người bị buộc tội không có nghĩa vụ phải chứng minh mình vô tội. Thứ ba, trong trường hợp còn tồn tại nghi ngờ về việc người bị buộc tội có thực hiện hành vi phạm tội hay không thì nghi ngờ đó phải được giải thích theo hướng có lợi cho người bị buộc tội (*in dubio pro reo*) [11].

Xét về ý nghĩa, nguyên tắc suy đoán vô tội có vai trò đặc biệt quan trọng trong việc bảo đảm quyền con người trong TTHS. Đây là nguyên tắc nhằm ngăn ngừa sự tùy tiện, lạm quyền trong hoạt động điều tra, truy tố, xét xử; hạn chế nguy cơ oan, sai; bảo đảm sự công bằng, khách quan của quá trình tố tụng. Đồng thời, nguyên tắc suy đoán vô tội còn là một trong những tiêu chí đánh giá mức độ dân chủ, pháp quyền và văn minh của hệ thống tư pháp hình sự trong mỗi quốc gia [12].

2.1.2. Nguyên tắc suy đoán vô tội trong pháp luật quốc tế và pháp luật Việt Nam

Nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận sớm và tương đối đầy đủ trong các văn kiện pháp luật quốc tế về quyền con người. Điều 11 Tuyên ngôn thế giới về quyền con người năm 1948 khẳng định: “Mọi người bị cáo buộc phạm tội đều có quyền được coi là vô tội cho đến khi được chứng minh là có tội theo pháp luật tại một phiên tòa công khai, nơi họ được bảo đảm đầy đủ các quyền bào chữa” [14]. Quy định này tiếp tục được cụ thể hóa tại Điều 14 Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị năm 1966 mà Việt Nam là thành viên từ năm 1982 [15].

Việc ghi nhận nguyên tắc suy đoán vô tội trong các điều ước quốc tế thể hiện sự thống nhất của cộng đồng quốc tế trong việc coi đây là một chuẩn mực pháp lý phổ quát, có giá trị bắt buộc đối với các quốc gia thành viên. Theo đó, các quốc gia có nghĩa vụ nội luật hóa và bảo đảm thực thi hiệu quả nguyên tắc này trong hệ thống pháp luật và thực tiễn TTHS của mình [18], [19].

Ở Việt Nam, nguyên tắc suy đoán vô tội được ghi nhận ở tầm hiến định tại Điều 31 Hiến pháp năm

2013, đánh dấu bước tiến quan trọng trong tư duy lập hiến về bảo vệ quyền con người [3]. Trên cơ sở đó, Điều 13 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 đã cụ thể hóa nội dung của nguyên tắc này, tạo cơ sở pháp lý trực tiếp cho việc áp dụng trong thực tiễn TTHS. Ngoài ra, nhiều quy định khác của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cũng thể hiện tinh thần suy đoán vô tội, như các quy định về chứng cứ, chứng minh, quyền bào chữa, tranh tụng tại phiên tòa [4].

2.1.3. Nguyên tắc suy đoán vô tội với yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xác định là nhà nước quản lý xã hội bằng pháp luật, bảo đảm quyền con người, quyền công dân, trong đó quyền lực nhà nước được tổ chức, thực thi và kiểm soát chặt chẽ. Trong mô hình đó, nguyên tắc suy đoán vô tội giữ vai trò đặc biệt quan trọng, nhất là trong lĩnh vực TTHS - nơi quyền lực nhà nước tác động trực tiếp và mạnh mẽ nhất đến các quyền cơ bản của con người [9].

Việc bảo đảm thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội góp phần hiện thực hóa yêu cầu thượng tôn pháp luật, bảo đảm sự công bằng và khách quan trong hoạt động tư pháp. Nguyên tắc này buộc các cơ quan tiến hành tố tụng phải tuân thủ nghiêm ngặt trình tự, thủ tục pháp luật; hạn chế việc sử dụng các biện pháp mang tính cưỡng chế tùy tiện; đồng thời đề cao vai trò của Tòa án trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án [1].

Trong giai đoạn mới, khi Đảng và Nhà nước ta xác định tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo hướng “dân chủ, công bằng, văn minh”, việc nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội không chỉ là yêu cầu pháp lý mà còn là yêu cầu chính trị - xã hội. Nguyên tắc này trở thành một trong những trụ cột quan trọng bảo đảm cho nền tư pháp hình sự hoạt động đúng đắn, góp phần củng cố niềm tin của Nhân dân vào công lý, pháp luật và Nhà nước.

2.2. Thực trạng áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự ở Việt Nam

Kể từ khi Hiến pháp năm 2013 và Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 có hiệu lực, việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS ở Việt Nam đã có những chuyển biến nhất định theo hướng tiến bộ hơn so với giai đoạn trước. Về phương diện pháp lý, nguyên tắc này đã được ghi nhận một cách rõ ràng, trực tiếp, tạo cơ sở quan trọng để các cơ quan tiến hành tố tụng vận dụng trong hoạt động điều tra, truy tố và xét xử. Đồng thời, nhiều quy định liên quan đến chứng cứ, chứng minh, quyền bào chữa, tranh tụng tại phiên tòa cũng được sửa đổi, bổ sung theo hướng tăng cường bảo đảm quyền của người bị buộc tội, hạn chế nguy cơ kết án oan sai [4].

Trên thực tế, trong những năm gần đây, các cơ quan tiến hành tố tụng đã có những nỗ lực nhất định trong việc nâng cao nhận thức và tuân thủ nguyên tắc suy đoán vô tội. Các báo cáo công tác của Tòa án nhân dân tối cao và Viện kiểm sát nhân dân tối cao cho thấy chất lượng giải quyết án hình sự từng bước được cải thiện, tỷ lệ án bị hủy, sửa do nguyên nhân chủ quan có xu hướng giảm. Việc tăng cường tranh tụng tại phiên tòa, mở rộng quyền tham gia của luật sư ngay từ giai đoạn điều tra cũng được coi là những bước tiến nhằm bảo đảm tốt hơn quyền của người bị buộc tội và tinh thần suy đoán vô tội trong TTHS [7], [8].

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong thực tiễn TTHS ở Việt Nam vẫn bộc lộ nhiều hạn chế, bất cập đáng chú ý. Trước hết, trong hoạt động TTHS, tư duy “suy đoán có tội” vẫn còn tồn tại ở một bộ phận người tiến hành tố tụng. Biểu hiện của tư duy này là việc đặt nặng mục tiêu buộc tội, coi lời nhận tội là chứng cứ trung tâm, trong khi chưa đánh giá đầy đủ, khách quan các chứng cứ gỡ tội hoặc các tình tiết còn nghi ngờ. Điều này dẫn đến nguy cơ vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội ngay từ giai đoạn điều tra và truy tố, trước khi vụ án được Tòa án xét xử một cách công khai, độc lập.

Thực tiễn vẫn còn ghi nhận những vụ án oan, sai nghiêm trọng, để lại hậu quả nặng nề cho người bị oan và gia đình họ, đồng thời gây tổn hại đến uy tín của cơ quan tư pháp và niềm tin của Nhân dân vào công lý. Các vụ án điển hình như vụ ông Nguyễn Thanh Chấn, ông Huỳnh Văn Nén cho thấy người bị buộc tội đã bị kết án trong khi chứng cứ chưa được kiểm tra đầy đủ, khách quan; các biện pháp điều tra vi phạm nghiêm trọng quyền con người như bức cung, nhục hình vẫn xảy ra. Sau khi được xác định là oan, Nhà nước đã phải thực hiện xin lỗi công khai và bồi thường với số tiền lớn, riêng trường hợp ông Nguyễn Thanh Chấn được bồi thường hơn 7 tỷ đồng, phản ánh chi phí xã hội rất lớn của việc không tôn

trọng nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS [5], [6], [7].

Các số liệu thống kê và tổng hợp từ báo chí, cơ quan chức năng cho thấy trong nhiều năm, đã có hàng trăm trường hợp được xác định là bị oan và được bồi thường theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước, với tổng số tiền bồi thường lên đến hàng trăm tỷ đồng. Những con số này không chỉ phản ánh nỗ lực khắc phục hậu quả của Nhà nước mà còn cho thấy những bất cập mang tính hệ thống trong quá trình áp dụng pháp luật TTHS, đặc biệt là việc chưa bảo đảm thực chất nguyên tắc suy đoán vô tội trong thực tiễn [5].

Một hạn chế khác có ảnh hưởng trực tiếp đến việc thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội là chất lượng bảo đảm quyền bào chữa và tranh tụng tại phiên tòa chưa đồng đều giữa các địa phương và các vụ án. Mặc dù pháp luật đã mở rộng quyền của luật sư và người bào chữa, song trên thực tế, vai trò phản biện của luật sư trong nhiều vụ án hình sự vẫn còn mờ nhạt; khả năng tiếp cận hồ sơ, chứng cứ và tham gia vào quá trình thu thập chứng cứ còn gặp không ít khó khăn. Điều này làm suy giảm hiệu quả kiểm tra, đối trọng giữa bên buộc tội và bên gỡ tội, từ đó ảnh hưởng đến việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong xét xử.

Bên cạnh đó, trong bối cảnh truyền thông phát triển mạnh mẽ, áp lực từ dư luận xã hội và báo chí đối với các vụ án hình sự “nóng” cũng là một yếu tố tác động tiêu cực đến việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội. Việc đưa tin theo hướng định tội sớm, sử dụng các thuật ngữ mang tính kết luận khi vụ án chưa được xét xử có thể tạo ra định kiến xã hội đối với người bị buộc tội, gây áp lực vô hình lên các cơ quan tiến hành tố tụng và làm suy yếu tinh thần suy đoán vô tội vốn phải được tôn trọng trong suốt quá trình tố tụng.

Những hạn chế trong việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS ở Việt Nam không chỉ xuất phát từ các biểu hiện cụ thể trong thực tiễn giải quyết vụ án mà còn bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân mang tính hệ thống, đan xen giữa pháp luật, tổ chức thực thi, con người và môi trường pháp lý - xã hội. Có thể khái quát thành sáu nguyên nhân chủ yếu sau đây:

Thứ nhất, xuất phát từ nhận thức pháp lý chưa đầy đủ, chưa thống nhất về nội hàm và ý nghĩa của nguyên tắc suy đoán vô tội. Trong một bộ phận người tiến hành tố tụng, nguyên tắc này vẫn bị hiểu giản đơn như một quy định mang tính hình thức, áp dụng chủ yếu ở giai đoạn xét xử, chưa được quán triệt xuyên suốt toàn bộ quá trình TTHS. Việc chưa nhận thức đầy đủ suy đoán vô tội là nguyên tắc chi phối cách tiếp cận vụ án ngay từ khi khởi tố đã ảnh hưởng trực tiếp đến phương pháp điều tra, đánh giá chứng cứ và quyết định tố tụng.

Thứ hai, một số quy định pháp luật TTHS chưa được cụ thể hóa đầy đủ để bảo đảm thực thi nguyên tắc suy đoán vô tội trên thực tế. Mặc dù nguyên tắc này đã được ghi nhận rõ ràng trong Hiến pháp và Bộ luật Tố tụng hình sự, song vẫn còn những quy định thiếu hướng dẫn chi tiết hoặc chưa có cơ chế bảo đảm thực hiện hiệu quả. Điều này dẫn đến khoảng trống trong áp dụng pháp luật, tạo điều kiện cho cách hiểu và vận dụng khác nhau giữa các cơ quan tiến hành tố tụng.

Thứ ba, cơ chế tổ chức và vận hành của các cơ quan tiến hành tố tụng chưa thực sự tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực thi đầy đủ nguyên tắc suy đoán vô tội. Trong thực tế, mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử vẫn chịu ảnh hưởng nhất định của tư duy hành chính và áp lực chỉ tiêu công tác. Những yếu tố này có thể làm giảm tính độc lập cần thiết trong việc đánh giá chứng cứ và đưa ra các quyết định tố tụng khách quan.

Thứ tư, năng lực chuyên môn, kỹ năng tố tụng và đạo đức nghề nghiệp của một bộ phận người tiến hành tố tụng chưa đáp ứng được yêu cầu công tác. Việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội đòi hỏi trình độ chuyên môn vững vàng, kỹ năng đánh giá chứng cứ khoa học và ý thức tôn trọng quyền con người ở mức cao. Khi những yêu cầu này chưa được đáp ứng đầy đủ, nguy cơ áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội một cách hình thức hoặc không nhất quán là điều khó tránh khỏi.

Thứ năm, vai trò và hiệu quả thực tế của cơ chế bào chữa, tranh tụng trong TTHS chưa được phát huy đầy đủ. Mặc dù pháp luật đã ghi nhận và mở rộng quyền của luật sư, người bào chữa, song trên thực tế, cơ chế bảo đảm để các chủ thể này thực hiện quyền một cách thực chất còn nhiều hạn chế. Khi chức năng phản biện và kiểm soát quyền lực của bên bào chữa chưa được phát huy đầy đủ, nguyên tắc

suy đoán vô tội khó có thể được bảo đảm một cách hiệu quả.

Thứ sáu, tác động của môi trường pháp lý - xã hội, đặc biệt là dư luận và truyền thông, đối với hoạt động TTHS. Trong bối cảnh truyền thông phát triển mạnh mẽ, việc đưa tin thiếu thận trọng, mang tính định hướng kết luận sớm có thể tạo áp lực xã hội đáng kể đối với các cơ quan tiến hành tố tụng. Khi môi trường xã hội chưa thực sự đề cao văn hóa pháp quyền và tôn trọng suy đoán vô tội, việc thực thi nguyên tắc này trong thực tiễn sẽ gặp nhiều trở ngại.

2.3. Giải pháp nâng cao hiệu quả áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự ở Việt Nam trong giai đoạn mới

Xuất phát từ những nguyên nhân chủ yếu dẫn đến các hạn chế trong việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTHS, việc đề xuất các giải pháp cần được thực hiện một cách đồng bộ, toàn diện và có trọng tâm. Tác giả đề xuất một số giải pháp cụ thể sau đây:

2.3.1. Nâng cao nhận thức pháp lý và thống nhất cách hiểu về nguyên tắc suy đoán vô tội trong toàn bộ hệ thống tư pháp hình sự. Việc quán triệt đầy đủ nội hàm của nguyên tắc này giúp định hướng cách tiếp cận vụ án ngay từ giai đoạn đầu của quá trình tố tụng. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tư pháp cần làm rõ suy đoán vô tội không chỉ là yêu cầu ở giai đoạn xét xử mà phải được bảo đảm xuyên suốt từ khởi tố đến thi hành án. Nhận thức đúng còn gắn liền với việc đề cao trách nhiệm nghề nghiệp và trách nhiệm pháp lý của người tiến hành tố tụng. Khi suy đoán vô tội được coi là chuẩn mực hành xử nghề nghiệp, việc áp dụng nguyên tắc này sẽ mang tính tự giác hơn. Điều đó cũng góp phần hạn chế tư duy buộc tội chi phối hoạt động tố tụng. Qua thời gian, tư duy tố tụng hiện đại, lấy quyền con người làm trung tâm sẽ từng bước được hình thành và củng cố.

2.3.2. Tiếp tục hoàn thiện pháp luật TTHS theo hướng cụ thể hóa đầy đủ các yêu cầu của nguyên tắc suy đoán vô tội. Các quy định về chứng cứ, chứng minh, gánh nặng chứng minh và xử lý nghi ngờ cần được rà soát để bảo đảm rõ ràng, thống nhất và dễ áp dụng. Việc bổ sung cơ chế loại trừ chứng cứ thu thập trái pháp luật có ý nghĩa đặc biệt trong việc bảo vệ người bị buộc tội. Bên cạnh đó, cần tăng cường các quy định bảo đảm trách nhiệm giải trình và chế tài đối với hành vi vi phạm nguyên tắc suy đoán vô tội. Hệ thống văn bản hướng dẫn áp dụng pháp luật cần được ban hành kịp thời, hạn chế sự tùy nghi trong vận dụng. Hoàn thiện pháp luật cần gắn với cải tiến kỹ thuật lập pháp nhằm bảo đảm tính minh bạch và khả thi. Điều này giúp thu hẹp khoảng cách giữa quy định pháp luật và thực tiễn tố tụng.

2.3.3. Đổi mới tổ chức và phương thức hoạt động của các cơ quan tiến hành tố tụng theo hướng tăng cường tính độc lập, khách quan và kiểm soát quyền lực. Yêu cầu tăng cường tính độc lập, khách quan trong hoạt động xét xử đòi hỏi tiếp tục khẳng định vai trò trung tâm của Tòa án trong việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Mối quan hệ phối hợp giữa các cơ quan điều tra, truy tố và xét xử cần được điều chỉnh theo hướng bảo đảm kiểm soát quyền lực hiệu quả, tránh xu hướng đồng thuận hình thức. Việc đánh giá kết quả công tác tố tụng nên chuyển trọng tâm từ số lượng sang chất lượng, coi việc bảo đảm quyền con người là tiêu chí quan trọng. Đồng thời, cần giảm thiểu các áp lực hành chính và chỉ tiêu mang tính thành tích trong giải quyết án hình sự. Khi cơ chế tổ chức được vận hành hợp lý, việc tuân thủ các nguyên tắc tố tụng sẽ có điều kiện thuận lợi hơn. Qua đó, nguy cơ oan, sai được hạn chế ngay từ khâu tổ chức thực hiện.

2.3.4. Nâng cao năng lực chuyên môn, kỹ năng tố tụng và đạo đức nghề nghiệp của đội ngũ người tiến hành tố tụng. Hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cần chú trọng kỹ năng đánh giá chứng cứ, tư duy phản biện và phương pháp tiếp cận vụ án dựa trên chuẩn mực quyền con người. Việc giáo dục đạo đức nghề nghiệp cần được đặt ngang tầm với đào tạo chuyên môn, nhằm hình thành bản lĩnh nghề nghiệp và ý thức trách nhiệm cao. Cơ chế tuyển chọn, bổ nhiệm và đánh giá cán bộ tư pháp cần gắn chặt với yêu cầu liêm chính và năng lực thực tế. Đồng thời, cần bảo đảm xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật tố tụng và xâm phạm quyền con người. Khi đội ngũ người tiến hành tố tụng có trình độ và đạo đức nghề nghiệp vững vàng, việc áp dụng nguyên tắc suy đoán vô tội sẽ trở nên nhất quán và hiệu quả hơn.

2.3.5. Phát huy vai trò của luật sư, người bào chữa và cơ chế tranh tụng trong TTHS. Việc bảo đảm quyền tiếp cận hồ sơ, chứng cứ và tham gia tố tụng của luật sư ngay từ giai đoạn điều tra có ý nghĩa

quan trọng đối với việc kiểm soát hoạt động buộc tội. Chất lượng tranh tụng tại phiên tòa cần được nâng cao để trở thành phương thức chủ yếu kiểm tra, đánh giá chứng cứ. Vị thế của bên bào chữa trong quan hệ tố tụng cần được bảo đảm một cách thực chất, góp phần cân bằng với quyền lực của cơ quan công tố. Đồng thời, việc nâng cao chất lượng đội ngũ luật sư thông qua đào tạo chuyên sâu và chuẩn mực nghề nghiệp là yêu cầu không thể thiếu. Khi cơ chế bào chữa và tranh tụng được bảo đảm đầy đủ, nguyên tắc suy đoán vô tội có điều kiện được hiện thực hóa một cách rõ nét hơn trong xét xử.

2.3.6. Xây dựng môi trường pháp lý - xã hội tôn trọng nguyên tắc suy đoán vô tội và phát triển văn hóa pháp quyền. Hoạt động thông tin, truyền thông về các vụ án hình sự cần tuân thủ chặt chẽ pháp luật, tránh sử dụng ngôn ngữ mang tính định tội khi vụ án chưa được xét xử. Nâng cao nhận thức của xã hội về quyền con người và các nguyên tắc TTTHS góp phần hình thành thái độ tôn trọng công lý và pháp luật. Vai trò giám sát của xã hội cần được phát huy theo hướng xây dựng, khách quan và đúng pháp luật. Công tác giáo dục pháp luật về TTTHS cần được đẩy mạnh trong cộng đồng. Khi môi trường xã hội ủng hộ và tôn trọng suy đoán vô tội, việc thực thi nguyên tắc này trong thực tiễn sẽ thuận lợi và bền vững hơn.

3. Kết luận

Nguyên tắc suy đoán vô tội là một trong những nguyên tắc nền tảng của TTTHS hiện đại, phản ánh sâu sắc bản chất nhân văn của pháp luật và giữ vai trò trung tâm trong việc bảo đảm quyền con người, quyền công dân. Việc nghiên cứu nguyên tắc này trong bối cảnh xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho thấy suy đoán vô tội không chỉ là một chuẩn mực pháp lý mang tính kỹ thuật tố tụng mà còn là biểu hiện tập trung của yêu cầu thượng tôn pháp luật, kiểm soát quyền lực nhà nước và bảo đảm công lý. Trong giai đoạn hiện nay, khi yêu cầu xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng được đặt ra ở mức độ cao hơn, việc bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong TTTHS có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với chất lượng hoạt động tư pháp và niềm tin của Nhân dân vào pháp luật. Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội không chỉ là nhiệm vụ của riêng lĩnh vực tư pháp hình sự mà còn là một yêu cầu mang tính tổng thể của quá trình hoàn thiện nhà nước và pháp luật ở Việt Nam trong giai đoạn mới./.

Tài liệu tham khảo

- [1] Ban Chấp hành Trung ương (2022). *Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới*.
- [2] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII (tập 1, 2)*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [3] Quốc hội (2013). *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*. Thông qua ngày 28/11/2013.
- [4] Quốc hội (2015, 2021, 2025). *Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2021 và năm 2025)*.
- [5] Quốc hội (2017). *Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017*.
- [6] Ban Chỉ đạo Cải cách tư pháp Trung ương (2020). *Báo cáo tổng kết công tác cải cách tư pháp giai đoạn 2011-2020*.
- [7] Tòa án nhân dân tối cao (2022). *Báo cáo tổng kết công tác năm 2022 của Tòa án nhân dân*, Hà Nội.
- [8] Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2023). *Báo cáo công tác của ngành Kiểm sát nhân dân năm 2023*, Hà Nội.
- [9] Viện Nhà nước và Pháp luật (2023). *Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam: Lý luận và thực tiễn*. NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [10] Trần Văn Độ (2018). *Nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự*. Tạp chí Luật học, số 6, Hà Nội.
- [11] Nguyễn Ngọc Chí (2016). *Bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự Việt Nam*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
- [12] Lê Hữu Thế (2019). *Cải cách tư pháp và bảo đảm công lý trong Nhà nước pháp quyền*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội.
- [13] Tạp chí Nhà nước và Pháp luật (2021). *Bảo đảm nguyên tắc suy đoán vô tội trong tố tụng hình sự*, số 5.
- [14] Liên hợp quốc (1948). *Tuyên ngôn thế giới về quyền con người (Universal Declaration of Human Rights)*.
- [15] Liên hợp quốc (1966). *Công ước quốc tế về các quyền dân sự và chính trị (ICCPR)*.
- [16] OHCHR - United Nations (2014). *Human Rights in the Administration of Justice* (<https://www.ohchr.org>).
- [17] Fair Trials International (2019). *Presumption of Innocence: A Human Rights Perspective* (<https://www.fairtrials.org>).
- [18] Cape, E., Hodgson, J., Prakken, T. & Spronken, T. (2010). *Suspects in Europe: Procedural Rights at the Investigative Stage of the Criminal Process*, Intersentia.
- [19] Jackson, J. & Summers, S. (2012). *The Internationalisation of Criminal Evidence: Beyond the Common Law and Civil Law Traditions*, Cambridge University Press.